

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU THẦN NÔNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU THẦN NÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAN NONG INVESTMENT AND IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109237744

3. Ngày thành lập: 25/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn 7, Xã Đông Dư, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
2.	Bán buôn thực phẩm	4632
3.	Bán buôn đồ uống	4633
4.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết:- Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác Không bao gồm kinh doanh vàng (Theo quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 6/7/2018)	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
15.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
16.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
17.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
18.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

19.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
20.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
21.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
22.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
23.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
24.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
25.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
26.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
27.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
28.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
29.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
30.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
31.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết:- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh. - Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Nhóm này gồm: Bán lẻ đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; Loại trừ:- Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; - Bán lẻ tem và tiền kim khí; (Theo quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 6/7/2018)	4773
32.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết:- Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ:- Hoạt động của đấu giá viên (Theo quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 6/7/2018)	4774

33.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
34.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
35.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
36.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
37.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
38.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết:- Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ Loại trừ:- Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; - Bán lẻ tem và tiền kim khí; - Hoạt động của đấu giá viên. (Theo quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 6/7/2018)	4789
39.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng. - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. - Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại. Loại trừ:- Đấu giá bán lẻ qua internet. (Theo quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 6/7/2018)	4791
40.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng. - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). Loại trừ:- Đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ); (Theo quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 6/7/2018)	4799
41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
42.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
43.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
44.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
45.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

46.	Cổng thông tin Chi tiết:- Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng. Loại trừ:- Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông trực tuyến cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ. (Theo quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 6/7/2018)	6312
47.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết:- Kiểm tra trong lĩnh vực vệ sinh thực phẩm, bao gồm kiểm tra thú y và điều khiển quan hệ với sản xuất thực phẩm. (Theo quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 6/7/2018)	7120
48.	Quảng cáo	7310
49.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
50.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
51.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
52.	Dịch vụ đóng gói	8292
53.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
54.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
55.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
56.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
57.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
58.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
59.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
60.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
61.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
62.	Sản xuất đường	1072
63.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
64.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
65.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
66.	Sản xuất chè	1076
67.	Sản xuất cà phê	1077
68.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
69.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
70.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
71.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
72.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
73.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512

74.	Sản xuất giày, dép	1520
75.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
76.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
77.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
78.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
79.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
80.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
81.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn Loại trừ:- Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại. (Theo quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 6/7/2018)	2599
82.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
83.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
84.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
85.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
86.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
87.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
88.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết:- Hoạt động đại lý bán hàng hưởng hoa hồng thực hiện theo ủy quyền hoặc nhân danh tài khoản giao dịch của bên ủy quyền hoặc giao đại lý về các loại hàng hóa: + Nông, lâm sản nguyên dạng, động vật sống, nguyên liệu dệt thô và bán thành phẩm, + Nhiên liệu, quặng, kim loại và hoá chất công nghiệp, phân bón, + Lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá, thuốc láo, + Hàng dệt, may sẵn, hàng da lông thú, giày dép, các sản phẩm da và giả da, + Gỗ xây dựng và nguyên, vật liệu xây dựng, + Máy móc, thiết bị, kể cả máy văn phòng, máy vi tính, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền và máy bay, + Giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình, hàng gia dụng và đồ ngũ kim; - Môi giới mua bán hàng hóa Loại trừ: Hoạt động của các đấu giá viên (Theo quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 6/7/2018)	4610

89.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
-----	--	------

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ NHUNG	Tổ 23, Phường Tân Thịnh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	113236536	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000		
2	TRẦN VĂN TIỀN	Đội 10B, Xã Phúc Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	186313021	
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000		
3	PHAN ĐÌNH ĐỘ	Thôn 7, Xã Đông Dư, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.100.000	1.100.000.000	55,000	186227435	
			Tổng số	1.100.000	1.100.000.000	55,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 15/12/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 113236536

Ngày cấp: 08/04/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Hòa Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 23, Phường Tân Thịnh, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 23, Phường Tân Thịnh, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội